

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 29.4.2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Thị Sáu**

2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:** Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 229/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Thanh H**, sinh năm 1962.

HKTT: Tổ 15, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 858 Nguyễn Văn Cừ, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 15, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Ông H, bà M có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Đỗ Thị M có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, chung sống với nhau từ năm 1980 tại thị trấn NS, Huyện TS, tỉnh An Giang. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình cũng đồng ý, vợ chồng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 1991 vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn Tiên Yên, xã LĐ, huyện B, năm 1995 chuyển về sinh sống ổn định tại tổ 15, thị trấn LT, huyện B cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng đã thường xuyên mâu thuẫn cãi vã xung đột nhau. Ông H cho rằng bà M thường ra khỏi nhà vào

khoảng 21 giờ đêm và không rõ làm gì, đi đâu. Ông H còn phát hiện bà M thường trò chuyện với một người đàn ông trên mạng. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, đã ly thân khoảng 06 năm nay. Từ tháng 4/2021 đến nay ông H dọn ra ngoài sống riêng, phận ai nấy sống không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, ông H yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà M.

Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà M có 04 con chung là Đỗ Duy Q, sinh năm 1982, Đỗ Thanh L, sinh năm 1985, Đỗ Hoài T, sinh năm 1986 và Đỗ Ánh T1, sinh năm 1988. Nay có con đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên ông H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H tự thỏa thuận với bà M về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông H và bà M không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021, bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M thừa nhận chung sống với ông H từ năm 1980, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ tôn giáo, hai bên gia đình cũng đồng ý. Vợ chồng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở miền Tây một thời gian, năm 1991 chuyển vào xã LĐ, đến năm 1995 chuyển về sinh sống ổn định tại tổ 15, thị trấn LT, Huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, ông H thường xuyên đánh đập bà nhiều lần, tồn tại nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra ông H ghen tuông cho rằng bà ngoại tình. Tuy vợ chồng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng thực tế ly thân đã lâu. Năm 2021 bà làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Huyện B đã thụ lý nhưng sau đó rút đơn, mục đích là để giải quyết vấn đề tài sản. Ngoài ra ông H thường bỏ nhà đi mấy ngày lại về, từ tháng 4/2021 đến nay ông H đã dọn đi và không về nhà, vợ chồng không còn sống chung. Bà M cho rằng đã lớn tuổi, giữ thể diện cho gia đình, tuy tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà M thừa nhận và ông H có 04 con chung là Đỗ Duy Q, sinh năm 1982, Đỗ Thanh L, sinh năm 1985, Đỗ Hoài T, sinh năm 1986 và Đỗ Ánh T1, sinh năm 1988. Nay có con đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên bà M không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà M và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/02/2022 nhưng không thành. Ông H có đơn yêu cầu không hòa giải nữa mà giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H, cho ông H và bà M được ly hôn, về con chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét, về nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đỗ Thanh H và bà Đỗ Thị M chung sống tự nguyện từ năm 1980 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới, được hai bên gia đình đồng ý. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình cần được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thị trấn NS, Huyện TS, tỉnh An Giang. Năm 1995 vợ chồng chuyển về sinh sống ổn định tại tổ 15, thị trấn LT, Huyện B, tỉnh Lâm Đồng đến nay. Quá trình chung sống, hôn nhân của hai người không hạnh phúc, có mâu thuẫn, có ghen tuông xô xát đánh nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không hợp nhau về tình cảm vợ chồng và họ đều thừa nhận. Mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, thực tế đã ly thân hơn 06 năm nay, đến tháng 4/2021 ông H và bà M không còn sống chung một nhà, phận ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Năm 2021 bà M cũng đã từng làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn nhưng đến nay vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ. Bà M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nhưng muốn giữ thể diện cho gia đình nên không đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà M đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, điểm c1 mục 1 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Mục 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông H và bà M được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Căn cứ vào lời khai của ông H, bà M, các bản sao giấy khai sinh ông H giao nộp thì thấy rằng quá trình chung sống hai người có 04 con chung là Đỗ Duy Q, sinh năm 1982, Đỗ Thanh L, sinh năm 1985, Đỗ Hoài T, sinh năm 1986 và Đỗ Ánh T1, sinh năm 1988. Nay có con đã trên 18 tuổi và tự lao động được, cả ông H và bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông H, bà M thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về nợ chung:* Ông H và bà M thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc ông Đỗ Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, điểm c1 mục 1 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Mục 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H đối với bà Đỗ Thị M về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho ông Đỗ Thanh H và bà Đỗ Thị M được ly hôn.

**2. Về con chung:** Không xem xét, giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Không xem xét, giải quyết.

**3. Về án phí:** Buộc ông Đỗ Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004169 ngày 18/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**











